QUY TẮC BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN XE MÔ TÔ – XE GẮN MÁY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1818/QĐ-PHH ngày 25/06/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Định nghĩa

Trong quy tắc này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1.1. **"BIC":** là Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV và các Công ty thành viên, Chi nhánh.

1.2. **"Chủ xe":** là chủ sở hữu xe mô tô, xe gắn máy hoặc được chủ sở hữu xe mô tô, xe gắn máy giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe mô tô, xe gắn máy.

1.3. **"Người được bảo hiểm":** là tổ chức, cá nhân có tài sản, trách nhiệm dân sự, sức khỏe, tính mạng được bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm.

1.4. **"Bên mua bảo hiểm":** là tổ chức, cá nhân giao kết Hợp đồng bảo hiểm với BIC và đóng phí bảo hiểm.

1.5. **"Người thụ hưởng":** là tổ chức, cá nhân được Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm chỉ định để nhận tiền bồi thường/bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

1.6. **"Xe mô tô, xe gắn máy":** là xe cơ giới hai hoặc ba bánh và các loại xe tương tự, di chuyển bằng động cơ (đốt trong, điện) và có trọng tải bản thân xe không quá 400kg.

1.7. **"Thời gian sử dụng xe mô tô, xe gắn máy":** là khoảng thời gian tính từ ngày đăng ký lần đầu đến ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Trường hợp không xác định được ngày đăng ký lần đầu, thời gian sử dụng sẽ tính từ tháng 06 (sáu) của năm sản xuất đến tháng có ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

1.8. **"Phí bảo hiểm":** là khoản tiền mà Bên mua bảo hiểm phải đóng cho BIC theo thời hạn và phương thức thanh toán do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

1.9. **"Lái xe":** là người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy.

1.10. **"Xe mô tô, xe gắn máy hoạt động":** là xe mô tô, xe gắn máy đang di chuyển, dừng xe, đỗ xe có sự điều khiển của lái xe.

1.11. **"Xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông":** là việc lái xe điều khiển xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

1.12. **"Hợp đồng bảo hiểm"** (viết tắt HĐBH): là sự thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm và BIC, theo đó, Bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, BIC phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

HĐBH được lập thành văn bản. Bằng chứng giao kết HĐBH là HĐBH, Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Bộ Hợp đồng bảo hiểm bao gồm: HĐBH và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm, Giấy yêu cầu bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm này, Tài liệu tóm tắt quy tắc bảo hiểm và các điều khoản sửa đổi, bổ sung (nếu có) hoặc các tài liệu khác do BIC và Bên mua bảo hiểm thỏa thuận được lập thành văn bản (nếu có).

1.13. **"Giấy yêu cầu bảo hiểm":** là biểu mẫu của BIC được sử dụng để Bên mua bảo hiểm ghi rõ các yêu cầu bảo hiểm, được lập bằng bản giấy hoặc bản điện tử trên website/ứng dụng bán hàng trực tuyến, nhằm thiết lập HĐBH. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không ký vào Giấy yêu cầu bảo hiểm hoặc không gửi Giấy yêu cầu bảo hiểm đã ký cho BIC, nhưng đã nộp phí bảo hiểm thì được coi là Bên mua bảo hiểm đã đồng ý thông tin ghi trên HĐBH mà BIC đã cấp.

1.14. **"Sửa đổi bổ sung":** là văn bản cung cấp các thông tin liên quan đến những thay đổi hoặc bổ sung so với HĐBH đã ký và là bộ phận không thể tách rời HĐBH.

Điều 2. Thời hạn bảo hiểm và thời hạn thanh toán phí bảo hiểm

2.1. Thời điểm bắt đầu, kết thúc thời hạn bảo hiểm được ghi trên HĐBH.

2.2. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm được quy định trên HĐBH. Trách nhiệm bảo hiểm phát sinh khi Bên mua bảo hiểm đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm cho BIC theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm trên HĐBH, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản.

2.3. Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm trước hoặc đúng ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản.

2.4. Trong thời hạn bảo hiểm nêu trong HĐBH, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe mô tô, xe gắn máy được bảo hiểm, HĐBH mặc nhiên có hiệu lực đối với Người được bảo hiểm mới trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm mới yêu cầu chấm dứt thực hiện HĐBH trước hạn.

Điều 3. Quy định về chấm dứt thực hiện HĐBH trước hạn

Trong thời hạn bảo hiểm, BIC hoặc Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện HĐBH trước hạn theo quy định của pháp luật hoặc có thể thỏa thuận chấm dứt thực hiện HĐBH trước hạn. Bên yêu cầu chấm dứt phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước ít nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày dự định chấm dứt. BIC sẽ hoàn phí bảo hiểm như quy định dưới đây:

- Nếu HĐBH chấm dứt trước hạn theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm: BIC sẽ hoàn lại 70% phí bảo hiểm trong thời gian còn lại của HĐBH, với điều kiện đến thời điểm chấm dứt, HĐBH chưa phát sinh khiếu nại hoặc đã phát sinh khiếu nại nhưng không được BIC bồi thường.
- Nếu HĐBH chấm dứt trước hạn theo yêu cầu của BIC: BIC sẽ hoàn lại 100% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian bảo hiểm còn lại của HĐBH.

Điều 4. Hậu quả pháp lý do vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin

Trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm cố ý cung cấp không đầy đủ thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết HĐBH để được hưởng quyền lợi bảo hiểm, BIC có quyền hủy bỏ HĐBH. BIC không có trách nhiệm bồi thường, trả tiền bảo hiểm và sẽ hoàn lại 70% phí bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho BIC (nếu có).

Trường hợp BIC cố ý không thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết HĐBH, Bên mua bảo hiểm có quyền hủy bỏ HĐBH, được hoàn lại 100% phí bảo hiểm đã đóng. BIC phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bên mua bảo hiểm (nếu có).

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của BIC

5.1. Quyền của BIC:

5.1.1 Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong HĐBH.

5.1.2 Yêu cầu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện HĐBH, thông tin liên quan đến sự kiện bảo hiểm xảy ra.

5.1.3 Hủy bỏ HĐBH hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện HĐBH theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5.1.4 Từ chối bồi thường trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong HĐBH và Quy tắc bảo hiểm này.

5.1.5 Giảm trừ bồi thường trong các trường hợp thuộc điều khoản giảm trừ quy định tại Quy tắc bảo hiểm này và theo thỏa thuận trong HĐBH.

5.1.6 Yêu cầu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5.1.7 Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền mà BIC đã bồi thường do người thứ ba có lỗi gây ra đối với xe mô tô, xe gắn máy được bảo hiểm.

5.1.8 Các quyền khác theo quy định của Bộ Hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật.

5.2. BIC có nghĩa vụ:

5.2.1 Cung cấp cho Bên mua bảo hiểm Quy tắc bảo hiểm, Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm. Giải thích rõ ràng, đầy đủ cho Bên mua bảo hiểm về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm khi giao kết HĐBH.

5.2.2 Cấp bộ HĐBH cho Bên mua bảo hiểm ngay sau khi giao kết.

5.2.3 Cấp hóa đơn thu phí bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH và quy định của pháp luật có liên quan.

5.2.4 Thực hiện bồi thường hoặc trả tiền bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày trong trường hợp BIC phải tiến hành xác minh hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ bồi thường cần xác minh mà BIC không đủ thẩm quyền để thực hiện thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày BIC có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì BIC phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được.

5.2.5 Trường hợp từ chối bồi thường, BIC có trách nhiệm giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn như nêu tại điểm 5.2.4 Điều này.

5.2.6 Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Chủ xe, BIC sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.

5.2.7 Đánh giá lại rủi ro và tính toán lại phí bảo hiểm trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe mô tô, xe gắn máy được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của HĐBH.

5.2.8. Bảo mật thông tin do Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm cung cấp, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm.

5.2.9 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Bộ Hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm

6.1. Quyền của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm

6.1.1 Yêu cầu BIC cung cấp và giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, cấp HĐBH.

6.1.2 Yêu cầu BIC cấp hóa đơn thu phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH và quy định của pháp luật có liên quan.

6.1.3 Hủy bỏ HĐBH hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện HĐBH theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6.1.4 Yêu cầu BIC bồi thường theo thoả thuận trong HĐBH khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

6.1.5 Chuyển giao HĐBH theo thoả thuận trong HĐBH hoặc theo quy định của pháp luật.

6.1.6 Các quyền khác theo quy định của Bộ Hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật.

6.2. Nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm

6.2.1 Kê khai đầy đủ, trung thực mọi thông tin có liên quan đến HĐBH theo yêu cầu của BIC.

6.2.2 Đọc và hiểu rõ điều kiện, điều khoản bảo hiểm, quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền, nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm khi giao kết HĐBH và nội dung khác của HĐBH.

6.2.3 Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong HĐBH.

6.2.4 Tạo điều kiện thuận lợi để BIC xem xét tình trạng xe mô tô, xe gắn máy trước khi cấp HĐBH khi được BIC yêu cầu.

6.2.5 Trong thời hạn bảo hiểm, trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo cho BIC trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó (ví dụ: thay đổi kết cấu xe, phạm vi hoạt động,...).

6.2.6 Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

6.2.7 Khi xảy ra tai nạn, Người được bảo hiểm và/hoặc Lái xe phải có trách nhiệm:

- Thông báo ngay cho BIC để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, giữ nguyên và bảo vệ hiện trường tổn thất; thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất theo hướng dẫn của BIC (trừ trường hợp bất khả kháng).
- Lái xe không được tự ý rời khỏi hiện trường (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền).
- Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của BIC (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).
- Thực hiện đúng theo các hướng dẫn của BIC để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho BIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, chứng từ, tài liệu cần thiết.
- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), Chủ xe phải thông báo tổn thất bằng văn bản hoặc khai báo điện tử cho BIC.

6.2.8 Cung cấp trung thực các thông tin, tài liệu, chứng từ liên quan đến hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó; hợp tác với BIC trong quá trình phối hợp giải quyết bồi thường.

6.2.9 Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được BIC chấp thuận bồi thường, Chủ xe sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho BIC.

6.2.10 Trường hợp xe mô tô, xe gắn máy bị mất cắp, mất cướp toàn bộ xe, Người được bảo hiểm và/hoặc Lái xe phải báo ngay cho cơ quan Công an và BIC khi phát hiện ra sự việc và thực hiện theo hướng dẫn.

Trong mọi trường hợp, BIC không chịu trách nhiệm bồi thường cho bất cứ tổn thất nào mà người được bảo hiểm không thông báo bằng văn bản cho BIC trong vòng 30 ngày.

6.2.11 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Bộ Hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật.

Điều 7. Giám định tổn thất

7.1. Khi xảy ra tổn thất, BIC hoặc người được BIC ủy quyền thực hiện việc giám định tổn thất về tài sản với sự có mặt của Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe (hoặc người đại diện được Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm ủy quyền), các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác

định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký (hoặc các hình thức xác nhận khác phù hợp với quy định pháp luật) của các bên liên quan. Chi phí giám định do BIC chi trả.

7.2. Trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại, có thể thỏa thuận trưng cầu giám định viên độc lập trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong HĐBH. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định viên độc lập thì một trong các bên được yêu cầu Toà án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của Chủ xe chỉ định giám định độc lập. Kết luận của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.

Nếu kết luận của giám định viên độc lập khác với kết luận giám định của BIC, BIC phải thanh toán chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định viên độc lập trùng với kết luận giám định của BIC, Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm phải thanh toán chi phí giám định độc lập.

Điều 8. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

8.1. Tài liệu do Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm cung cấp:

8.1.1 Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường (theo mẫu của BIC);

8.1.2 Tài liệu liên quan đến xe mô tô, xe gắn máy, Lái xe mô tô, xe gắn máy (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên BIC sau khi đã đối chiếu với bản chính) bao gồm:

- Giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, Giấy phép lái xe hợp lệ của Lái xe xe mô tô, xe gắn máy bị tổn thất.
- Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe mô tô, xe gắn máy (nếu có).

8.1.3 Tài liệu chứng minh thiệt hại về xe mô tô, xe gắn máy bao gồm:

- Báo giá, hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại
- Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của BIC.

8.1.4 Tài liệu chứng minh thiệt hại về người:

- Trường hợp bị thương: cung cấp các chứng từ y tế chứng minh mức độ thương tật của nạn nhân và hóa đơn/chứng từ thanh toán liên quan đến quá trình điều trị (nếu có).
- Trường hợp tử vong: cung cấp giấy chứng tử hoặc các tài liệu chứng minh nạn nhân bị tử vong.

8.1.5 Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho BIC đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe mô tô, xe gắn máy được bảo hiểm mà Chủ xe đã được BIC giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).

8.2. Tài liệu do BIC phối hợp với Chủ xe để thu thập (hoặc hướng dẫn chủ xe thu thập):

8.2.1 Ảnh chụp chứng minh tổn thất;

8.2.2 Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.

8.2.3 Bản sao các tài liệu liên quan của cơ quan Công an trong các vụ tai nạn gây tử vong đối với người thứ ba và hành khách hoặc trường hợp cần xác minh vụ tai nạn có nguyên nhân do lỗi hoàn toàn của người thứ ba, bao gồm: Thông báo kết quả điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn hoặc Thông báo kết luận điều tra giải quyết vụ tai nạn.

8.2.4 Quyết định của Tòa án (nếu có).

8.2.5 Trường hợp xe mô tô, xe gắn máy bị trộm cắp, bị cướp toàn bộ:

- Đơn trình báo xe bị trộm cắp, bị cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an.
- Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cắp, mất cướp xe mô tô, xe gắn máy được bảo hiểm.
- Kết luận điều tra (nếu có) hoặc Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cắp, mất cướp xe mô tô, xe gắn máy được bảo hiểm.
- Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị trộm cắp, bị cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an (nếu có).

8.2.6 Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có).

8.2.7 Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

9.1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu bồi thường.

9.2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của BIC là 90 ngày kể từ ngày Người được bảo hiểm nhận được thông báo bồi thường của BIC. Quá thời hạn nêu trên, BIC sẽ không giải quyết khiếu nại, trừ trường hợp bất khả kháng.

9.3. Thời hiệu khởi kiện về HĐBH là 03 năm theo quy định của Bộ Luật dân sự hiện hành.

9.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ HĐBH, nếu các bên không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết.

Điều 10. Bảo hiểm trùng

Bảo hiểm trùng là trường hợp một xe mô tô, xe gắn máy có từ hai HĐBH trở lên để bảo hiểm cho cùng phạm vi, thời hạn và sự kiện bảo hiểm mà tổng số tiền bảo hiểm vượt quá giá thị trường của xe mô tô, xe gắn máy đó tại thời điểm giao kết HĐBH. Việc giải quyết bồi thường đối với trường hợp bảo hiểm trùng sẽ thực theo các nguyên tắc sau:

10.1. Đối với những phạm vi bảo hiểm được cấp trùng của các HĐBH, BIC chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm của HĐBH cấp bởi/ký kết với BIC trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các HĐBH mà Bên mua bảo hiểm đã tham gia bảo hiểm và đang còn hiệu lực tại thời điểm xảy ra tổn thất.

10.2. Đối với những phạm vi bảo hiểm không trùng nhau của các HĐBH (nếu có), BIC sẽ giải quyết bồi thường độc lập theo HĐBH đã cấp/ký kết.

Điều 11. Điều khoản bổ sung

Ngoài các quy định tại Quy tắc bảo hiểm này, BIC sẽ đưa ra thêm các điều khoản bổ sung để Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm lựa chọn. Các điều khoản bổ sung chỉ có hiệu lực khi Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có yêu cầu và đã đóng phụ phí bảo hiểm bổ sung và được BIC chấp nhận bảo hiểm và được ghi nhận trong HĐBH.

Điều 12. Những điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung (áp dụng cho Chương II, III, IV)

12.1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Lái xe, những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe, thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm.

12.2. Lái xe có nồng độ cồn từ 50 miligam/100mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở trở lên tại thời điểm xảy ra tai nạn; sử dụng ma túy, chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.

12.3. Xe sử dụng để đua xe (hợp pháp hoặc bất hợp pháp); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe

khác không tuân thủ quy định của pháp luật.

12.4. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều (đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều"), rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định; xe dừng, đỗ, lùi trái quy định trên cầu hoặc trên đường (trừ trường hợp bất khả kháng).

12.5. Xe sử dụng để cướp giật hoặc vào các mục đích bất hợp pháp.

12.6. Chiến tranh, nội chiến, đình công, bạo động dân sự, khủng bố

12.7. Thiệt hại gây ra hậu quả gián tiếp bao gồm: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại.

12.8. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản).

12.9. Cháy, nổ do lỗi của nhà sản xuất hoặc do người sử dụng tự ý thay đổi/lắp thêm các linh kiện không theo thiết kế ban đầu của nhà sản xuất là nguyên nhân dẫn đến cháy, nổ.

12.10. Vận chuyển hàng hóa cồng kềnh, chất cháy nổ trái quy định của pháp luật.

12.11. Xe bị trưng dụng, tịch thu bởi cơ quan chức năng có thẩm quyền.

CHƯƠNG II: BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

Điều 13. Đối tượng được bảo hiểm

BIC nhận bảo hiểm vật chất các loại xe mô tô, xe gắn máy có đăng ký hợp lệ theo quy định của pháp luật và có thời gian sử dụng đến 10 năm. BIC không chịu trách nhiệm bồi thường đối với các trường hợp xe mô tô, xe gắn máy không đáp ứng quy định nêu trên tại ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Điều 14. Phạm vi bảo hiểm

Quy tắc bảo hiểm này bao gồm các phạm vi bảo hiểm A, B, C. Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của BIC không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên HĐBH.

14.1. Phạm vi A: Cháy, nổ

BIC bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất xe xảy ra do cháy, nổ.

14.2. Phạm vi B: Mất trộm, mất cắp, cướp toàn bộ

BIC bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất xe xảy ra do mất trộm, mất cắp, mất cướp trong các trường hợp sau:

14.2.1 Mất trộm tại các điểm trông giữ xe của trường học, bệnh viện, cơ quan nhà nước và tòa nhà, bãi giữ xe công cộng có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép đồng thời có phát phiếu giữ xe.

14.2.2 Tại nhà (nơi cư trú) bị trộm cắp đột nhập, cạy phá có dấu vết để lại và/hoặc bị tấn công hoặc đe dọa tấn công bằng vũ lực.

14.2.3 Bị cướp (có xác nhận của Cơ quan Công an).

14.3. Phạm vi C: Tổn thất vật chất do các nguyên nhân khác

BIC bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất xe trong những trường hợp sau đây:

14.3.1 Đâm, va, lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe.

14.3.2 Những tai nạn bất khả kháng do thiên nhiên gây ra gồm: bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần.

14.3.3 Vật thể từ bên ngoài tác động lên xe.

14.3.4 Tổn thất đối với xe mô tô, xe gắn máy trong quá trình được chuyên chở bằng các phương tiện khác trong giới hạn lãnh thổ Việt Nam (loại trừ việc vận chuyển bằng các phương tiện đường hàng không) với điều kiện xe mô tô, xe gắn máy được bảo hiểm này phải được áp dụng các biện pháp an toàn thích hợp cho việc vận chuyển theo quy định của pháp luật.

Ngoài các phạm vi A, B, C nói trên, BIC còn thanh toán những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh trong tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm:

Chi phí ngăn ngừa, hạn chế tổn thất phát sinh thêm, bảo vệ và đưa xe thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất: tối đa 10% số tiền bảo hiểm.

Điều 15. Các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm riêng

BIC không bồi thường thiệt hại vật chất xe mô tô, xe gắn máy quy định tại những điểm loại trừ chung tại Điều 12 Quy tắc bảo hiểm này và các trường hợp sau đây:

15.1. Các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm áp dụng với phạm vi A

15.1.1 Tổn thất xảy ra ngoài phạm vi bảo hiểm quy định tại khoản 14.1. Điều 14.

15.1.2 Xe vận chuyển xăng, dầu, gas.

15.1.3 Xe mô tô, xe gắn máy điện cháy, nổ xuất phát từ việc sử dụng pin không do nhà sản xuất xe phân phối, lắp đặt chính hãng hoặc sử dụng pin không tuân thủ hướng dẫn, điều kiện sử dụng và bảo quản pin của nhà sản xuất.

15.1.4 Tổn thất phát sinh là kết quả của việc sử dụng trái phép xe được bảo hiểm hoặc không được cho phép bởi chủ xe.

15.1.5 Những vụ tổn thất dưới mức khấu trừ quy định trên HĐBH (áp dụng đối với tổn thất bộ phận).

15.2. Các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm áp dụng với phạm vi B

15.2.1 Tổn thất xảy ra ngoài phạm vi bảo hiểm quy định tại khoản 14.2. Điều 14.

15.2.2 Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê, cho mượn, siết nợ, cầm cố, tranh chấp kinh tế). Thiệt hại bị quy cho hành vi lừa đảo, lợi dụng lòng tin của bất kỳ người nào mà theo định nghĩa của Bộ luật hình sự là lừa đảo, phạm tội, lợi dụng lòng tin hoặc do hành vi gian lận, không trung thực, thông đồng với kẻ gian của Người được bảo hiểm, lái xe.

15.2.3 Xe bị mất do trộm đột nhập vào nhà nhưng không để lại dấu vết cậy, phá, sử dụng công cụ/thiết bị mở khóa để đột nhập hoặc mất tại các bãi gửi xe không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép và/hoặc không phát phiếu, thẻ gửi xe hoặc các hình thức tương tự, không có bằng chứng, không xác định được nguyên nhân hoặc do sự bất cẩn của chủ xe, lái xe gây ra.

15.3. Các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm áp dụng với phạm vi C

15.3.1 Tổn thất xảy ra ngoài phạm vi bảo hiểm quy định tại khoản 14.3. Điều 14.

15.3.2 Lái xe chưa đủ độ tuổi hoặc quá độ tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy theo quy định pháp luật giao thông đường bộ; Lái xe không có giấy phép lái xe hoặc sử dụng giấy phép lái xe không hợp lệ (có số phôi ghi ở mặt sau không trùng với số phôi được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin Giấy phép lái xe) hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa hoặc sử dụng Giấy phép lái xe hết hạn sử dụng tại thời điểm xảy ra tai nạn hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không phù hợp đối với xe mô tô, xe gắn máy bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp Lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn, hoặc bị tạm giữ Giấy phép lái xe mà quá lịch hẹn của cơ quan công an nhưng lái xe không đến giải quyết hoặc bị thu hồi Giấy phép lái xe thì được coi là không có Giấy phép lái xe. Điểm loại trừ này áp dụng khi xe tham gia giao thông/hoạt động do lái xe điều khiển..

15.3.3 Xe chở từ 4 người trở lên (không tính trẻ em dưới 07 tuổi).

15.3.4 Xe thay đổi kết cấu, tổng thành không đúng với thiết kế của nhà sản xuất.

15.3.5 Mất bộ phận của xe.

15.3.6 Tổn thất của động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước.

15.3.7 Hao mòn, hỏng hóc tự nhiên; tổn thất trong quá trình sửa chữa (gồm cả chạy thử); hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất.

15.3.8 Săm lốp, nhãn hiệu, đề can, chắn bùn, biểu tượng nhà sản xuất trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn.

15.3.9 Tổn thất phát sinh là kết quả của việc sử dụng trái phép xe được bảo hiểm hoặc không được cho phép bởi chủ xe.

15.3.10 Tổn thất các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất lắp ráp.

15.3.11 Những vụ tổn thất dưới mức khấu trừ quy định trên HĐBH (áp dụng đối với tổn thất bộ phận).

Điều 16. Số tiền bảo hiểm

Số tiền bảo hiểm là giá trị xe khách hàng khai báo. Giá trị xe là giá xe mô tô, xe gắn máy mua mới 100%, trường hợp khách hàng không nhớ giá trị xe có thể tham khảo giá bán xe mới 100% cùng hãng sản xuất, mẫu xe, dung tích xi lanh của hãng xe, đại lý bán xe.

Trường hợp số tiền bảo hiểm thấp hơn số tiền lẽ ra phải được bảo hiểm theo quy định tại Điều 16 thì số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và số tiền lẽ ra phải được bảo hiểm như quy định nêu trên.

Điều 17. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

17.1. Giải quyết bồi thường tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm của Rủi ro A và C

17.1.1 Bồi thường tổn thất bộ phận:

BIC chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho Chủ xe để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng các điều kiện, điều khoản bảo hiểm bao gồm cả mức khấu trừ (nếu có).

Không giảm trừ giá trị khấu hao đối với các bộ phận được thay thế mới nhưng sẽ giảm trừ trị giá thu hồi của các hạng mục đó.

17.1.2 Bồi thường tổn thất toàn bộ:

- BIC bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thực tế của xe tại thời điểm xảy ra tổn thất hoặc hư hại đến mức không thể sửa chữa, phục hồi lại được để đảm bảo lưu hành an toàn.
- BIC bồi thường cho Người được bảo hiểm giá trị thực tế ngay trước thời điểm xảy ra tổn thất của xe mô tô, xe gắn máy đó và không vượt quá số tiền bảo hiểm. Giá trị thực tế này sẽ được tính toán bằng cách lấy giá trị thay thế mới của xe mô tô, xe gắn máy đó trừ đi khấu hao:
  - Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng dưới 12 tháng: khấu hao 0%.
  - Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng từ 12 tháng đến dưới 36 tháng: khấu hao 15%.
  - Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng từ 36 tháng đến dưới 72 tháng: khấu hao 25%.
  - Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng từ 72 tháng đến dưới 120 tháng: khấu hao từ 35% đến 50%.

17.2. Giải quyết bồi thường tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm của Rủi ro B

Xe bị mất trộm, mất cắp, mất cướp toàn bộ không tìm được xe và có xác nhận của Cơ quan Công an: BIC sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm giá trị thực tế của xe ngay trước thời điểm tổn thất quy định tại Mục 17.1.2 trên đây.

Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cắp, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cắp, mất cướp thì BIC được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

17.3. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba

Nếu người thứ ba đã bồi thường số tiền thấp hơn số tiền bồi thường theo tính toán của BIC, thì BIC sẽ thanh toán phần chênh lệnh giữa số tiền bồi thường và số tiền Chủ xe đã nhận được từ người thứ ba. Trường hợp người thứ ba đã bồi thường bằng hoặc lớn hơn số tiền bồi thường theo tính toán của BIC, thì BIC sẽ không phải bồi thường cho Người được bảo hiểm.

17.4. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Sau khi BIC đã thay thế hoặc trả tiền bồi thường đối với trường hợp tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì BIC có quyền thu hồi tài sản bị thiệt hại, cụ thể:

17.4.1 Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận: BIC sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được bồi thường thay mới.

17.4.2 Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ: sau khi BIC đã bồi thường toàn bộ xe, BIC có quyền thu hồi toàn bộ chiếc xe bị tổn thất. Trường hợp số tiền bảo hiểm thấp hơn số tiền cần được bảo hiểm theo quy định tại Điều 16 thì BIC thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Chủ xe có yêu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, BIC sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của BIC.

Điều 18. Mức khấu trừ

Mức khấu trừ là số tiền được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/HĐBH mà Chủ xe phải tự gánh chịu trong mỗi vụ bồi thường bộ phận của xe mô tô, xe gắn máy tham gia bảo hiểm vật chất xe mô tô, xe gắn máy tại BIC.

BIC không bồi thường các mức khấu trừ được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/HĐBH đối với mỗi vụ bồi thường sau khi đã áp dụng tất cả các điều kiện, điều khoản của HĐBH.

BIC áp dụng mức khấu trừ là 1.000.000 đồng/vụ tổn thất. Trường hợp áp dụng mức khấu trừ khác, mức khấu trừ sẽ được quy định cụ thể trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/HĐBH.

Điều 19. Giảm trừ bồi thường

BIC thực hiện giảm trừ bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

19.1. Áp dụng giảm trừ từ 10% đến 30% số tiền bồi thường trong trường hợp vi phạm các trách nhiệm quy định tại điểm 6.2.7 khoản 6.2. Điều 6 Quy tắc bảo hiểm này (không áp dụng quy định này đối với trường hợp mất cắp, mất cướp toàn bộ xe); xe chở 3 người (không tính trẻ em dưới 07 tuổi).

19.2. Áp dụng giảm trừ từ 50% đến 90% số tiền bồi thường trong trường hợp vi phạm các trách nhiệm quy định tại điểm 6.2.8 và 6.2.9 khoản 6.2. Điều 6 Quy tắc bảo hiểm này.

Khi Người được bảo hiểm bị áp dụng nhiều mức giảm trừ khác nhau thì BIC sẽ chọn mức giảm trừ cao nhất.

Điều 20. Điều khoản bảo hiểm bổ sung

Bên mua bảo hiểm/Chủ xe có quyền lựa chọn tham gia điều khoản bảo hiểm bổ sung. Điều khoản bảo hiểm bổ sung phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định của Quy tắc bảo hiểm này.

Khi tham gia điều khoản bảo hiểm bổ sung thì xe phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đang tham gia bảo hiểm vật chất xe tại BIC và HĐBH vật chất xe còn thời hạn bảo hiểm;
- Thời hạn bảo hiểm của Điều khoản bổ sung không vượt quá thời hạn bảo hiểm vật chất xe đang còn hiệu lực.

Điều khoản tổn thất toàn bộ (Mã số BS01/BIC-MCV)

Các bên thoả thuận rằng, điều khoản sửa đổi bổ sung này được áp dụng trong trường hợp:

Điều kiện tham gia bảo hiểm: điều khoản này áp dụng đối với các xe thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Xe có thời gian sử dụng dưới 07 năm;
- Tuân thủ các điều kiện, điều khoản, các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm khác quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.

Phạm vi bảo hiểm: điều khoản này được áp dụng khi Chủ xe lựa chọn chỉ tham gia bảo hiểm tổn thất toàn bộ xe phạm vi A, C, không tham gia bảo hiểm cho tổn thất bộ phận xe.

Quy định bồi thường: Trong trường hợp xe bị tổn thất toàn bộ, BIC sẽ thực hiện bồi thường theo quy định tại điểm 17.1.2 Khoản 17.1 Điều 17 của Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe mô tô - xe gắn máy. Điểm 17.1.1 Khoản 17.1 Điều 17 – Bồi thường tổn thất bộ phận trong Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe mô tô - xe gắn máy của BIC sẽ không được áp dụng khi Hợp đồng bảo hiểm có điều khoản bổ sung này.

Điều khoản mất trộm khác (Mã số BS02/BIC-MCV)

Với điều kiện tuân thủ các điều kiện, điều khoản, các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung tại Điều 12 và các nội dung loại trừ riêng khác tại điểm 15.2 (áp dụng với phạm vi B) trong Quy tắc bảo hiểm, BIC đồng ý mở rộng bồi thường cho Người được bảo hiểm tối đa theo tỷ lệ phần trăm (tỷ lệ phần trăm này được quy định trong Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm) giá trị thực tế của xe ngay trước thời điểm tổn thất quy định tại Mục 17.1.2 Quy tắc bảo hiểm trong các trường hợp xe bị mất trộm không phải tại điểm trông giữ xe hoặc tại các điểm trông giữ xe không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép và/hoặc không phát phiếu, thẻ gửi xe (kể cả do sự bất cẩn của chủ xe, lái xe gây ra). Việc bồi thường được thực hiện khi có xác nhận của cơ quan chức năng.

CHƯƠNG III:
BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG ĐỐI VỚI LÁI XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

Điều 21: Đối tượng được bảo hiểm

Là trách nhiệm bồi thường của chủ xe mô tô, xe gắn máy đối với lái xe và người được chở trên xe mô tô, xe gắn máy (sau đây gọi là "Người ngồi trên xe").

Điều 22: Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm

Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm là số tiền mà Bên mua bảo hiểm yêu cầu BIC bảo hiểm cho Người ngồi trên xe và được BIC phê duyệt. Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm, số Người ngồi trên xe ghi trên HĐBH.

Điều 23: Phạm vi bảo hiểm

Trừ những điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại Điều 24 dưới đây, BIC sẽ thay mặt Chủ xe bồi thường trong trường hợp Người ngồi trên xe bị tử vong, tổn thương, thương tật cơ thể do tai nạn khi đang ở trên xe hoặc đang lên, xuống xe.

"Tai nạn" được hiểu là một lực bất ngờ, ngoài ý muốn của Người ngồi trên xe, từ bên ngoài tác động lên thân thể Người ngồi trên xe và là nguyên nhân trực tiếp duy nhất làm cho Người ngồi trên xe bị tử vong hoặc bị tổn thương, thương tật cơ thể.

Điều 24: Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

BIC không có trách nhiệm bảo hiểm trong những trường hợp sau:

24.1. Tai nạn xảy ra ngoài phạm vi bảo hiểm quy định tại Điều 23 trên đây.

24.2. Những điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung quy định tại Điều 12 Quy tắc này, trong đó Điểm 12.2,12.4, 12.5 chỉ áp dụng với lái xe.

24.3. Xe chở từ 4 người trở lên (không tính trẻ em dưới 07 tuổi).

24.4. Người ngồi trên xe bị cảm đột ngột, trúng gió, ốm bệnh (bao gồm cả bệnh truyền nhiễm), ngộ độc thức ăn, đồ uống, sử dụng thuốc không đúng chỉ dẫn của cơ quan y tế.

Điều 25: Quy định về bồi thường

25.1. Trường hợp Người ngồi trên xe bị tử vong: BIC bồi thường 100% Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm ghi trên HĐBH.

25.2. Trường hợp Người ngồi trên xe bị tổn thương, thương tật cơ thể: BIC bồi thường quyền lợi bảo hiểm bằng Tỷ lệ trả tiền nhân (x) Giới hạn trách nhiệm. Tỷ lệ trả tiền được quy định chi tiết tại "Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm tổn thương, thương tật cơ thể" của BIC được ban hành kèm theo Quyết định số 0756/QĐ-PHH ngày 25/03/2024.

25.2.1. Trường hợp Người ngồi trên xe bị tổn thương, thương tật cơ thể do tai nạn đã được BIC bồi thường quyền lợi bảo hiểm, trong vòng 365 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn, nếu Người ngồi trên xe bị tử vong do hậu quả của tai nạn nêu trên, BIC bồi thường thêm phần chênh lệch giữa Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm theo quyền lợi tử vong với số tiền đã bồi thường trước đó.

25.2.2. Trường hợp hậu quả của tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm bị trầm trọng hơn do bệnh tật hoặc sự tàn tật có sẵn của Người ngồi trên xe hoặc điều trị thương tật thân thể không kịp thời và không theo chỉ dẫn của cơ sở y tế thì BIC bồi thường tiền bảo hiểm như đối với loại thương tật tương tự ở người có sức khỏe bình thường được điều trị một cách hợp lý.

25.3. BIC sẽ bồi thường bảo hiểm theo thứ tự ưu tiên như sau: Người ngồi trên xe, người thừa kế hợp pháp của Người ngồi trên xe, Người được bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm đã bồi thường cho nạn nhân.

Điều 26: Quy định bảo hiểm cho Người ngồi trên xe

BIC mở rộng phạm vi bảo hiểm tại Điều 23 Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe mô tô – xe gắn máy trong trường hợp Chủ xe bị tử vong, tổn thương, thương tật cơ thể do tai nạn khi đang ở trên xe hoặc đang lên, xuống xe.

CHƯƠNG IV:
BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

Điều 27: Điều kiện

Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng, ngoài việc phải tuân thủ các nội dung Điều 28, 29 dưới đây, trách nhiệm bảo hiểm của BIC đối với bảo hiểm này chỉ phát sinh nếu các điều kiện sau được thỏa mãn:

27.1. Tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm, HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe gắn máy theo quy định pháp luật đang có hiệu lực.

27.2. Số tiền mà Chủ xe/Người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường vượt quá số tiền bồi thường căn cứ theo giới hạn trách nhiệm bảo hiểm của HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe gắn máy.

27.3. Tuân thủ các nội dung, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 7; khoản 1, khoản 4, khoản 7, khoản 10 Điều 12; Điều 13 của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Chính Phủ hoặc các nội dung, điều kiện quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến Nghị định số 67/2023/NĐ-CP.

Điều 28: Phạm vi bảo hiểm

BIC có trách nhiệm bồi thường cho những thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khỏe, tính mạng và tài sản đối với người thứ ba do xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông, hoạt động gây ra phát sinh vượt quá số tiền bồi thường của HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe gắn máy.

Điều 29: Mức bồi thường

Mức bồi thường bảo hiểm của BIC được quy định như sau:

29.1. Mức bồi thường cụ thể về sức khỏe, tính mạng: được xác định như dưới đây, tùy số nào nhỏ hơn:

i. Theo thỏa thuận (nếu có) giữa người được bảo hiểm và người bị thiệt hại hoặc người thừa kế của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại đã chết) hoặc đại diện của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án hoặc chưa thành niên theo quy định của Bộ luật Dân sự) - (trừ) số tiền bồi thường theo HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự.

ii. Căn cứ vào quyết định của Tòa án (trường hợp có quyết định của Tòa án) - (trừ) số tiền bồi thường theo HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự.

iii. Tỷ lệ lỗi của chủ xe mô tô, xe gắn máy tham gia bảo hiểm tại BIC x (nhân) tỷ lệ tổn thương (quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP) x (nhân) giới hạn trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện.

Trong mọi trường hợp, mức bồi thường của BIC không vượt quá giới hạn trách nhiệm bảo hiểm được quy định trên HĐBH.

29.2. Mức bồi thường cụ thể về thiệt hại đối với tài sản trong một vụ tổn thất được xác định theo thiệt hại thực tế x (nhân) tỷ lệ lỗi của chủ xe mô tô, xe gắn máy tham gia bảo hiểm tại BIC – (trừ) số tiền bồi thường theo HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự.

Trong mọi trường hợp, mức bồi thường của BIC không vượt quá giới hạn trách nhiệm bảo hiểm được quy định trên HĐBH.